

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 604/2026/HS-PT

Ngày: 04-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

2/ Bà Đoàn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 486/2026/HSPT ngày 12/6/2026 đối với các bị cáo Hoàng N và Nguyễn Văn S, do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HS-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo không có kháng cáo:

1. Hoàng N; giới tính: Nam; sinh ngày 29 tháng 10 năm 1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: số H, đường A, Phường A, Quận F (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông Hoàng Khắc S1 (đã chết) và bà Trần Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 cho đến nay tại Phân trại tạm giam H - Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Văn S; giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983, tại Thành phố Cần Thơ; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu vực T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Út E và bà Nguyễn Thị P; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Ánh N1 và có 01 con (sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 cho đến nay tại Phân trại tạm giam H – Trại tạm giam số 2 – Công an Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ Ngân hàng B1 (Giấy ủy quyền số 08945825 ngày 08/4/2025);

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ủy quyền lại cho ông Hoàng Văn P1; Lê Anh T; Lê Thời T1; bà Nguyễn Thị Bé T2 - Chức vụ: Cán bộ ngân hàng (Giấy ủy quyền số 125262.26 ngày 22/4/2026);

Địa chỉ: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Nguyễn Thị Bé T2 có mặt tại phiên tòa)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo: Công ty TNHH D1; địa chỉ: F P, Phường A, quận G (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung D, sinh ngày 02/4/1984 - Chức vụ: Giám đốc.

Nơi thường trú: Số F đường số I, Cư xá Đ R Đa P, Phường A, Quận F (nay là khu phố A, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng N và Nguyễn Văn S quen biết nhau từ khoảng tháng 12/2024 thông qua đối tượng tên H1 (chưa rõ lai lịch). Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/12/2024, H1 liên hệ qua ứng dụng Zalo thuê N chở pháo nổ từ khu vực Chợ B2, huyện T (nay là xã T), tỉnh An Giang đi giao cho khách tại Chợ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh, N đồng ý. N và H1 đã thỏa thuận tiền phí vận chuyển pháo nổ là 7.000.000 đồng, H1 sẽ thanh toán tiền sau khi giao pháo xong. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 22/12/2024, N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh An Giang, liên lạc với S (số điện thoại 0325456213, tài khoản Telegram là “Ga N” và số điện thoại 0588466849). Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/12/2024, H1 liên hệ với S qua T3 kêu S dẫn Nhơn từ khu vực Chợ B2, xã T, tỉnh An Giang đến khu vực cầu T, xã T, tỉnh An Giang nhận pháo nổ để vận chuyển giao hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh, S đồng ý. Đến khoảng 02 giờ 00 ngày 23/12/2024, Nhơn đến Chợ B2, xã T, tỉnh An Giang gặp và được S điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số) đi trước dẫn đường, khi gần đến địa

điểm nhận pháo nổ, S dừng xe lại và nói N tự điều khiển xe ô tô đến khu vực cầu T, tại đây sẽ có người bốc vác pháo nổ chất lên xe cho N, sau đó S bỏ đi. Khoảng hơn 3 giờ 00 ngày 23/12/2024, N tiếp tục điều khiển xe ô tô đến khu vực cầu T, thì có 02 người thanh niên (chưa rõ lai lịch), đeo khẩu trang bốc 10 thùng giấy carton chứa pháo nổ lên xe ô tô của N. Lúc này, S gọi T3 cho N và gửi định vị kêu N quay lại đón. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 23/12/2024, S cất xe mô tô tại quán cà phê (không nhớ tên) gần địa điểm trên, N điều khiển xe ô tô 51H-093.51 đón và chở S cùng với 10 thùng pháo nổ hướng về Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 10 giờ 00 phút sáng ngày 23/12/2024, khi N và S đến điểm giao pháo tại số B, đường N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Tổ Công tác Đội 6, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đội Cảnh sát kinh tế và Công an xã B, huyện H tiến hành kiểm tra. N và S giao nộp hàng hóa trong xe là 10 thùng giấy carton, bên trong mỗi thùng giấy carton có 18 giàn pháo nổ loại 49 ống, tổng cộng là 180 giàn.

Kết luận giám định số 602/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

“- 72 khối hình hộp chữ nhật có kích thước 17x17x10cm, bên ngoài được bọc giấy nhiều màu sắc (mỗi khối gồm 49 ống hình trụ có đường kính 2,2 cm, cao 10 cm được gắn với nhau) đều là pháo nổ, có tổng khối lượng 123,26kg.

- 108 khối hình hộp chữ nhật có kích thước 17,5x17,5x10cm, bên ngoài được bọc giấy nhiều màu sắc (mỗi khối gồm 49 ống hình trụ có đường kính 2cm, cao 10 cm được gắn với nhau) đều là pháo nổ, có tổng khối lượng 178,7kg. Tổng khối lượng là 301,96kg.”

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, H, Nguyễn Văn S thừa nhận hành vi phạm tội.

***Vật chứng thu giữ:** 10 thùng giấy carton, bên trong mỗi thùng có 18 giàn pháo loại 49 ống, tổng cộng là 180 giàn pháo nổ;

- Thu giữ của Nguyễn Văn S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số Emei: 354828095529075, gắn thẻ sim 0901410060, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, số Emei: 358957/01/239426/7, gắn thẻ sim 0588466849, tình trạng đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Hoàng N:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy Note9, số E: 352141104050766, gắn thẻ sim 0979792737, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại F9, số E: 866376041424331, gắn thẻ sim 0376792737, tình trạng đã qua sử dụng;

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H- 093.51, số máy: 4A91GT0107, số khung: NC1WKN041162 qua giám định số khung, số máy không thay đổi. Qua xác minh Chủ sở hữu đứng tên trên giấy đăng ký xe là Công ty TNHH D1 (địa chỉ F P, Phường A, quận G, nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh). Hoàng N nhờ bạn học tên Nguyễn Trung D (Giám đốc Công ty TNHH D1) đứng tên làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (V1). Đến năm 2021, D làm thủ tục chuyển cho Hoàng N làm Giám đốc đại diện pháp luật Công ty Liên kết vàng.

Do chưa thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng nên chưa sang tên được cho cá nhân H.

*Tại bản Cáo trạng số 61/CT-VKS-KV8 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hoàng N, Nguyễn Văn S về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HS-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Hoàng N 07 (bảy) năm về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời gian chấp hành hình phạt từ ngày 26/12/2024;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) năm về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời gian chấp hành hình phạt từ ngày 26/12/2024;

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên trả cho Công ty TNHH D1 (do ông Nguyễn Trung D giám đốc làm đại diện) 01 ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 số máy: 4A91GT0107, số khung: NC1WKN041162. Tình trạng: đã qua sử dụng. Đồng thời tuyên về xử lý vật chứng khác, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/5/2026, Ngân hàng TMCP Q kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, giao 01 ô tô biển số 51H-093.51 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 487701 do Phòng C, Công an thành phố H cấp ngày 10/7/2019 cho Ngân hàng TMCP Q để xử lý, thu hồi nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- Ngân hàng TMCP Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, giao 01 ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 số máy: 4A91GT0107, số khung: NC1WKN041162 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 487701 do Phòng C, Công an thành phố H cấp ngày 10/7/2019 cho Ngân hàng TMCP Q để xử lý, thu hồi nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo Hoàng N và Nguyễn Văn S về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội. Về kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, Cấp sơ thẩm đã nhận định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 là xe của Công ty TNHH D1 mục đích sử dụng là để vận chuyển chở

khách, Hoàng N là nhân viên được Công ty ký hợp đồng thời vụ, Công ty giao xe cho N mục đích chở khách và mang lại lợi nhuận cho công ty. Việc N sử dụng xe vào mục đích chở hàng cấm là pháo nhập lậu thì phía Công ty không biết nên tuyên trả cho chủ sở hữu là có căn cứ. Mặt khác, việc tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH D1 đã được Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết bằng một bản án dân sự khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, mà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 29/4/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm. Ngày 11/5/2026, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có đơn kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm giao 01 ô tô biển số 51H-093.51 cho Ngân hàng TMCP Q để xử lý, thu hồi nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã trình bày về nội dung kháng cáo, từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Ngân hàng TMCP Q (V1) yêu cầu giao xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 cho Ngân hàng để Ngân hàng TMCP Q xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ, theo Hợp đồng Tín dụng số 7292299.19 ngày 12/7/2019 giữa Ngân hàng TMCP Q với Công ty TNHH D1 do ông Nguyễn Trung D làm đại diện; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2549757.19 ngày 12/7/2019 phụ lục hợp đồng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi loại Xpander biển số 51H-093.51.

Xe ô tô trên là phương tiện bị cáo N dùng làm phương tiện phạm tội trong vụ án, bị cáo là nhân viên lái thuê vận chuyển khách nhưng bị cáo sử dụng xe vào việc chở hàng cấm, Công ty, người đại diện Công ty không biết. Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như những lời khai đủ cơ sở xác định chủ sở hữu chiếc xe ô tô là của Công ty TNHH D1 mua theo Hợp đồng mua bán số 425HĐ/SATSO ngày 20/5/2019 và Công ty không biết chiếc xe này do bị cáo N sử dụng để thực hiện tội phạm nên cấp sơ thẩm đã tuyên trả cho chủ sở hữu Công ty TNHH D1.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe không thu giữ trong vụ án này và cấp sơ thẩm đã xác định tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q với Công ty TNHH D1 về số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng và tài sản đảm bảo là một tranh chấp dân sự khác

không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên không có cơ sở để đặt ra xem xét.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử trả cho Công ty TNHH D1 (do ông Nguyễn Trung D giám đốc làm đại diện) 01 ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 số máy: 4A91GT0107, số khung: NC1WKN041162. Tình trạng: đã qua sử dụng theo điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng TMCP Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Q (V1) yêu cầu sửa bản án sơ thẩm để giao xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 cho Ngân hàng để Ngân hàng TMCP Q xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ, theo Hợp đồng Tín dụng số 7292299.19 ngày 12/7/2019 giữa Ngân hàng TMCP Q với Công ty TNHH D1 do ông Nguyễn Trung D làm đại diện; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2549757.19 ngày 12/7/2019 phụ lục hợp đồng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi loại Xpander biển số 51H-093.51. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của đại diện Công ty TNHH D1 thì tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH D1 về chiếc xe ô tô biển số 51H-093.51 đã được Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết xong bằng một bản án dân sự khác, nên theo quy định của pháp luật thì không có cơ sở, căn cứ pháp luật nào khác để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q và y án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HS-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Trả cho Công ty TNHH D1 (do ông Nguyễn Trung D giám đốc làm đại diện) 01 ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu đen, biển số 51H-093.51 số máy: 4A91GT0107, số khung: NC1WKN041162. Tình trạng: đã qua sử dụng. (Hiện vật chứng vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tạm giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số 2474 ngày 14/4/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra).

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án, của Ủy ban thường vụ Q1,

Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Q đã đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0036505 ngày 09/6/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố H).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (2) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 8; | (1) |
| - TAND Khu vực 8; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 8; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Phân trại tạm giam Hóc Môn; | (2) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (25) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn